

Số: 273/KH-UBND

Sơn Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Sơn Dương giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 24/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 – 2030.

Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương ban hành Kế hoạch Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 – 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 24/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của xã Sơn Dương.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân trên địa bàn xã về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng đời sống.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và các sản phẩm thế mạnh của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác và toàn thể nhân dân trên địa bàn xã về vai trò, vị trí then chốt của khoa học, công nghệ (KH&CN), chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải đồng bộ, kịp thời, khả thi, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế và nguồn lực của xã Sơn Dương trong từng giai đoạn.

- Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật với việc nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm nông, lâm nghiệp thế mạnh của địa phương; lấy hiệu quả ứng dụng thực tế vào sản xuất và đời sống của người dân, hợp tác xã làm thước đo chủ yếu.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN và ĐMST) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã, góp phần thúc đẩy hiệu quả 4 chuyển đổi tại cơ sở gồm: chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tập trung phát triển nông nghiệp thông minh, lâm nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, phát triển kinh tế số nông thôn nhằm bảo vệ môi trường và không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân xã Sơn Dương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế, phấn đấu đến năm 2030, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của xã đạt từ 40% trở lên.

- Phát triển kinh tế số gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; phấn đấu đến năm 2030, quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 24%.

- Tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt từ 1,5% trở lên; Hàng năm, tỷ lệ chi tối thiểu cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt từ 2 - 3%. Tập trung thu hút nguồn lực đầu tư khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ các nguồn xã hội hoá ngoài ngân sách nhà nước.

- Xây dựng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ. Phấn đấu có trên 60% nhiệm vụ khoa học công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn.

- Nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2030 các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, quy trình, mô hình kinh doanh đạt từ 25% trở lên.

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, nền tảng số; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu Bigdata và các công nghệ số mới trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao nhận thức

- Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch số 197/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Kế hoạch của xã đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, các thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng thôn, bảo đảm nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp cận, gắn liền với đời sống sản xuất thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi đoàn, chi hội và các nền tảng mạng xã hội.

- Đẩy mạnh truyền thông về các gương điển hình sản xuất kinh doanh giỏi, các HTX áp dụng thành công chuyển đổi số và khoa học kỹ thuật đem lại năng suất kinh tế cao.

2. Ứng dụng KH&CN thúc đẩy phát triển nông - lâm nghiệp bền vững

- Chủ động phối hợp với các Sở, ngành, Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất.

- Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện phát triển lâm nghiệp bền vững, trồng rừng gỗ lớn, ứng dụng các mô hình phát triển được liệu dưới tán rừng phù hợp với thổ nhưỡng của địa phương.

- Vận động các hộ nông dân, hợp tác xã ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, phân bón sinh học, chế phẩm vi sinh trong chăn nuôi và trồng trọt theo hướng kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với dịch bệnh và thiên tai. Đẩy mạnh phát triển, chuẩn hóa và hoàn thiện các sản phẩm OCOP của xã, nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

- Hỗ trợ các tổ chức, HTX rà soát, đăng ký chất lượng sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc mã vùng trồng cho các đặc sản của địa phương; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sản xuất trước các hành vi gian lận thương mại.

3. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số và phát triển kinh tế số

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã. Phát huy tối đa vai trò của lực lượng này trong việc hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và các kỹ năng số cơ bản.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các hợp tác xã, hộ kinh doanh thiết lập gian hàng trên các sàn thương mại điện tử, ứng dụng các phần mềm quản lý bán hàng và quét mã thanh

toán điện tử. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, theo dõi biến đổi thời tiết, cảnh báo thiên tai tại địa phương.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các phần mềm quản lý văn bản, chứng thực điện tử và chữ ký số hành chính tại UBND xã để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành công việc.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với công tác đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật an ninh mạng quốc gia tại địa phương (đặc biệt trong các giai đoạn rà soát định kỳ cao điểm).

4. Phối hợp nghiên cứu, quản lý và kiểm tra nhà nước về công nghệ

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác kiểm tra, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương. Khuyến khích các cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, sử dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc (mã QR), dán tem nhãn sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Chủ động phối hợp với Sở KH&CN, các viện nghiên cứu, trường đại học (nếu có dự án triển khai trên địa bàn) để tiếp nhận chuyển giao các đề tài, dự án thử nghiệm có tính khả thi cao, sát sườn với đời sống kinh tế tại xã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách xã hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối của địa phương.

- Thực hiện lồng ghép từ nguồn kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) được tỉnh phân bổ.

- Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác: Nguồn đối ứng, xã hội hóa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và đóng góp của Nhân dân tham gia các dự án, mô hình ứng dụng KH, CN.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các ban, ngành, bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã và các thôn, bản trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nội bộ cơ quan; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết và xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Chủ trì thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH, CN và ĐMST; theo dõi và tham mưu duy trì hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

- Định kỳ hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Tham mưu đề xuất các mô hình sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương. Bố trí kinh phí thực hiện hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục ứng dụng khoa học kỹ thuật; đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm, mã vùng trồng và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, OCOP, sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn).

- Là bộ phận đầu mối trực tiếp phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan của tỉnh để tiếp nhận, chuyển giao và triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ KH, CN trên địa bàn xã.

- Theo dõi, hướng dẫn các thôn, hợp tác xã thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp thông minh, lâm nghiệp bền vững, bảo hộ tài sản trí tuệ và bảo vệ môi trường.

- Kịp thời phát hiện, giới thiệu và biểu dương các mô hình kinh tế hiệu quả, các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tiêu biểu của người dân, doanh nghiệp, HTX trong lao động sản xuất.

3. Công an xã

- Trực tiếp phối hợp với các phòng nghiệp vụ chuyên ứng dụng công nghệ/an ninh mạng của Công an tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông để tiếp nhận hướng dẫn, kịp thời phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh và ngăn chặn các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao, các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng.

- Tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong việc duy trì, cập nhật và làm sạch dữ liệu Dân cư quốc gia theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”; đẩy mạnh triển

khai các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 của Chính phủ, hướng dẫn người dân tối ưu hóa ứng dụng định danh điện tử VNeID phục vụ giao dịch hành chính trực tuyến trực tiếp từ cấp xã lên cấp tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ phận xã và các Sở, ngành chức năng của tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương) trong công tác kiểm tra, giám sát thị trường; chủ động phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP đã được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của địa phương.

4. Trung tâm Dịch vụ công

Phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng, duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên mục, bản tin định kỳ tuyên truyền về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên hệ thống loa truyền thanh và các trang thông tin điện tử, mạng xã hội của địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các Tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các thôn tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thay đổi tư duy, tập quán sản xuất truyền thống sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa ứng dụng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chủ động tiếp cận kiến thức, kỹ năng số và công nghệ mới để ứng dụng vào đời sống và sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển kinh tế địa phương.

6. Các Trưởng thôn và Tổ công nghệ số cộng đồng

- Các Trưởng thôn chủ động lồng ghép, phổ biến kế hoạch đến người dân tại các buổi họp thôn; nắm bắt và đề xuất kịp thời các nhu cầu về chuyển giao kỹ thuật sản xuất của bà con.

- Lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực hướng dẫn người dân ứng dụng công nghệ số, thanh toán điện tử, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến nhằm thúc đẩy xây dựng xã hội số, kinh tế số ở địa phương.

7. Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã

- Tích cực nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào quy trình trồng trọt, chăn nuôi, chế biến; chuyển đổi mô hình sản xuất truyền thống sang các mô hình nông nghiệp sạch, đạt tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, hữu cơ), nông nghiệp tuần hoàn sinh học nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Chủ động phối hợp với Bộ phận chuyên môn của xã để số hóa quy trình quản lý, vận hành; áp dụng rộng rãi phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (quét mã QR, ví điện tử); chủ động đưa các sản phẩm thế mạnh của địa phương lên các sàn thương mại điện tử (vỏ sò, postmart, Shopee, TikTok Shop...) để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Chủ động rà soát, lập hồ sơ đề xuất đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu sản phẩm, nhãn hiệu tập thể) thông qua sự hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp từ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh. Thực hiện nghiêm túc việc dán tem nhãn, sử dụng mã số mã vạch và hệ thống mã QR truy xuất nguồn gốc công khai, minh bạch để bảo vệ thương hiệu sản phẩm của đơn vị mình.

- Cam kết áp dụng các công nghệ, biện pháp kỹ thuật sản xuất thân thiện với môi trường; xử lý triệt để chất thải, phụ phẩm nông nghiệp trong quá trình sản xuất; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững.

- Sẵn sàng đối ứng nguồn lực, phối hợp và tiếp nhận các đề tài nghiên cứu, mô hình thử nghiệm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo do các Sở, ban, ngành, Viện nghiên cứu hoặc Trường đại học cấp Tỉnh triển khai trên địa bàn; thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa hộ nông dân với hợp tác xã và doanh nghiệp.

(Có Phụ lục Danh mục nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

Trong quá trình triển khai Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, nếu có vướng mắc phát sinh cần kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã (Qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND xã (B/cáo);;
- Chủ tịch, các phó CT UBND xã (C/đạo);
- UBMTTQ, các TC CT-XH (P/hợp);
- Các phòng chuyên môn;
- Công an xã;
- Các Ông (bà) Trưởng thôn;
- Các Tổ CNSCĐ trên toàn xã;
- Các hợp tác xã trên địa bàn;
- Các hộ sản xuất, kinh doanh;
- Lưu: VT, VHXXH; Trung

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Việt Hưng

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ
Triển khai Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giai đoạn 5 năm 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương)

STT	Nội dung nhiệm vụ cụ thể tại xã Sơn Dương	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 của xã; nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, các thôn, hợp tác xã và Nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, các đoàn thể xã, các Trưởng thôn	Thường xuyên
2	Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với từng thôn, nhất là các thôn có tỉ lệ dân tộc thiểu số cao; bảo đảm nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp cận thông qua hệ thống loa truyền thanh, hội họp thôn gắn với sản xuất và đời sống.	Trung tâm Dịch vụ công xã	Các Trưởng thôn, tổ công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh công tác truyền thông tại địa phương và phối hợp thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong lao động, sản xuất của người dân trên địa bàn xã.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Phòng Kinh tế xã, các Trưởng thôn	Hàng năm
II	Phối hợp triển khai cơ chế, chính sách; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			

4	Chủ động tiếp nhận, tuyên truyền và triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Tỉnh liên quan đến bảo hộ sở hữu trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Hàng năm
5	Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn theo đúng quy định và hướng dẫn chuyên môn trực tiếp của cấp trên.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Phòng Kinh tế xã	Hàng năm
6	Tuyên truyền, hướng dẫn và triển khai thực hiện các chính sách, nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững địa bàn xã.	Phòng Kinh tế xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Trung tâm dịch vụ công, Trường thôn	Hàng năm
7	Tham mưu bố trí, lồng ghép nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia do Tỉnh phân bổ hàng năm để triển khai các mô hình ứng dụng KH, CN tại địa phương, đảm bảo đúng quy định pháp luật.	Phòng Kinh tế xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Hàng năm
III	Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương			
8	Định kỳ hàng năm rà soát nhu cầu thực tế, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh đề xuất danh mục các nhiệm vụ, mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội của xã.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các Hợp tác xã, các Trường thôn trên địa bàn, Các hộ sản xuất, kim doanh	Hàng năm
9	Phối hợp với cơ quan chức năng cấp trên tăng cường công tác kiểm tra, quản lý, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc sản hoặc sản phẩm OCOP được công nhận của xã.	Phòng Kinh tế xã	Công an xã, các cơ sở sản xuất và Hợp tác xã, Các hộ sản xuất, kim doanh	Năm 2026 và các năm tiếp theo
IV	Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường nông thôn			

10	Đẩy mạnh các giải pháp, mô hình ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi nhận thức số, nâng cao hiệu quả kỹ năng số cơ bản của công dân và hình thành văn hóa số tại các thôn.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các Tổ công nghệ số cộng đồng, các Trưởng thôn	Hàng năm
11	Trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng công nghệ số vào quản lý, sản xuất; hướng dẫn dán tem dẫn, mã QR truy xuất nguồn gốc; phát triển mô hình thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Phòng Kinh tế xã, các Hợp tác xã, Các hộ sản xuất, kim doanh	Giai đoạn 2026 - 2030
12	Vận động, hỗ trợ các hợp tác xã, cơ sở sản xuất và các hộ nông dân ứng dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch hơn, áp dụng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường nông thôn và hướng tới tăng trưởng xanh.	Phòng Kinh tế xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, các đoàn thể xã, các thôn	Hàng năm
13	Ứng dụng công nghệ số phổ thông trong việc theo dõi, quản lý tài nguyên, bảo vệ rừng; phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng ứng dụng số để nhận cảnh báo thời tiết, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương.	Phòng Kinh tế xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Lực lượng Dân quân tự vệ xã, các Trưởng thôn	Giai đoạn 2026 - 2030
V	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
14	Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp triển khai các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao các mô hình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiên tiến trên địa bàn xã.	(Lãnh đạo UBND xã phụ trách lĩnh vực)	Các bộ phận chuyên môn thuộc xã, các thôn tiếp nhận mô hình	Hàng năm